

Bản án số: 17/2019/HSST
Ngày: 15-3-2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THUẬN CHÂU, TỈNH SƠN LA

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Lương Thị Hương;

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lương Văn Pọm;
Ông Hà Ngọc Phương;

Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Ông Lương Văn Dục - Thư ký
Toà án nhân dân huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La .

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thuận Châu tỉnh Sơn La
tham gia phiên toà:* Ông Lương Văn Dũng - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 3 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 17/2019/HSST ngày 28-02-2019, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 18/2019/HSST- QĐ, ngày 04-3-2019 đối với bị cáo:

1. Lò Văn H; tên gọi khác: Lò Văn H; sinh năm: 1991; tại xã MG, huyện Quỳnh Nhai, tỉnh Sơn La; nơi cư trú: Bản B, xã MG, huyện Quỳnh Nhai, tỉnh Sơn La; dân tộc: Thái; trình độ văn hoá: 9/12; nghề nghiệp: Trồng trọt; con ông: Lò Văn X (Đã chết); con bà: Bạc Thị H, sinh năm: 1968; bị cáo chưa có vợ con; tiền sự: Không; tiền án: Không; bị cáo bị bắt giam giữ kể từ ngày 16-12-2018, cho đến nay bị cáo có mặt tại phiên tòa.

2. Lương Văn T; tên gọi khác: Không; sinh năm: 1999; tại xã TL, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La; nơi cư trú: Bản D, xã TL, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La; dân tộc: Thái; trình độ văn hoá: 12/12; nghề nghiệp: Trồng trọt; con ông: Lương Văn C, sinh năm: 1969; con bà: Quàng Thị D, sinh năm: 1970; bị cáo chưa có vợ con; tiền sự: Không; tiền án: Không; bị cáo bị bắt giam giữ kể từ ngày 16-12-2018, cho đến nay bị cáo có mặt tại phiên tòa.

*** Bị hại:**

1. Chị Quàng Thị L; sinh năm: 1990;

Địa chỉ: Bản C, xã LT, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La. (Có mặt);

2. Anh Lương Văn T; sinh năm: 1976;

Địa chỉ: Bản N, xã B, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La. (Có mặt)

3. Chị Cà Thị H sinh năm: 1990;

Địa chỉ: Bản D, xã N, huyện Quỳnh Nhai, tỉnh Sơn La. (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN :

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 16 giờ ngày 16-12-2018, Lò Văn H trú tại: Bản B, xã MG, huyện Quỳnh Nhai, tỉnh Sơn La gặp Lương Văn T trú tại: Bản D, xã TL, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La ở khu vực bản T, xã TM, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La, do H và T đã quen nhau từ trước nên khi nói chuyện H rủ T đi vào xã LT, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La để trộm cắp tài sản. T đồng ý rồi giao chiếc xe máy BKS: 26F3-5619 của T cho H điều khiển chở T đi vào xã LT, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La. Khi cả hai đi đến khu vực bản C, xã LT, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La thì thấy một chiếc xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA, loại xe SIRIUS, BKS 26B1-791.52 của chị Quàng Thị L, trú tại bản C, xã LT, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La, xe dựng ở ven đường liên xã TL – LT, H dừng xe và lấy chìa khóa mang theo từ trước đến để mở ổ khóa, sau khi mở được khóa xe quan sát xung quanh không thấy ai, H đã điều khiển xe máy đi về hướng xã TL, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La, T điều khiển xe máy của T đi theo sau. Khi cả hai điều khiển xe máy đi đến khu vực bản H, xã LT, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La thì bị Tổ công tác Công an xã LT, huyện Thuận Châu phát hiện và bắt quả tang. Thu giữ vật chứng: 01 (một) chiếc xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA, loại xe SIRIUS, BKS 26B1-791.52

Tại Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La Lò Văn H, Lương Văn T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên. Ngoài ra còn xác định Lò Văn H đã thực hiện 02 (hai) vụ trộm cắp tài sản khác vào tháng 11-2018: Cụ thể như sau:

Ngày 24-11-2018 Lò Văn H đi bộ ở khu vực ngã ba xã TL, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La thì phát hiện 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu HONDA màu đen, BKS: 30H1-5715 của anh Lương Văn T, trú tại bản N, xã BP, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La. Xe dựng trước cổng ngân hàng AGRIBANK chi nhánh Chiềng Pắc thuộc Tiểu khu A, xã TL, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La, khi quan sát không thấy chủ xe, H tiến lại gần chiếc xe và dùng chân đạp cần khởi động thấy máy nổ, H điều khiển xe đi vào xã N, huyện Quỳnh Nhai, tỉnh Sơn La; khi đi qua bản C, xã N, huyện Quỳnh Nhai, tỉnh Sơn La thì thấy 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu HONDA; loại xe WAVE màu trắng – đen; BKS: 26H1-056.69 của chị Cà Thị H, trú tại bản D, xã N, huyện Quỳnh Nhai, tỉnh Sơn La. Xe dựng ven đường tỉnh lộ 107B, quan sát thấy xe của chị H mới hơn và chìa khóa vẫn cắm ở xe nên H đã bỏ lại chiếc xe BKS: 30H1-5715 và điều khiển chiếc xe BKS: 26H1-056.69 đi vào huyện ML, tỉnh Sơn La để tìm nơi bán xe, khi đi đến khu vực thị trấn I, huyện Mường La, tỉnh Sơn La do sợ bị Công an huyện Mường La yêu cầu kiểm tra hành chính nên H đã bỏ xe lại và chạy trốn.

Ngày 17-12-2018, Cơ quan CSĐT Công an huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La đã ra Quyết định yêu cầu định giá tài sản đối với chiếc xe máy, BKS: 26B1 –

791.52, nhãn hiệu YAMAHA, số loại SIRIUS, xe mua từ năm 2013 mà Lò Văn H và Lương Văn T đã lấy trộm.

Ngày 18-12-2018, Cơ quan CSĐT Công an huyện Quỳnh Nhai, tỉnh Sơn La đã ra Quyết định yêu cầu định giá tài sản đối với chiếc xe máy, BKS: 26H1 – 056.69, nhãn hiệu HONDA, số loại WAVE, xe đã qua sử dụng cũ và 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu HONDA, BKS: 30H1-5715, xe đã qua sử dụng cũ mà Lò Văn H đã lấy trộm.

Tại kết luận số: 432 ngày 18-12-2018, Hội đồng định giá tài sản huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La kết luận: Chiếc xe mô tô, BKS: 26B1 – 791.52, nhãn hiệu YAMAHA, số loại SIRIUS, xe đã qua sử dụng có giá trị là: 6000.000^d (Sáu triệu đồng).

Tại kết luận số: 29, ngày 21-12-2018, Hội đồng định giá tài sản huyện Quỳnh Nhai, tỉnh Sơn La kết luận: Chiếc xe mô tô, BKS: 26H1 – 056.69, nhãn hiệu HONDA, số loại WAVE, xe đã qua sử dụng cũ có giá trị là: 15.000.000^d (Mười năm triệu đồng).

Tại kết luận số: 30 ngày 21-12-2018, Hội đồng định giá tài sản huyện Quỳnh Nhai, tỉnh Sơn La kết luận: Chiếc xe mô tô, BKS: 30H1 - 5715, nhãn hiệu HONDA, xe đã qua sử dụng cũ có giá trị là: 4.500.000^d (Bốn triệu năm trăm nghìn đồng).

*** Về trách nhiệm dân sự:**

- Bị hại chị Quàng Thị L đã nhận lại 01 chiếc xe máy: BKS: 26B1 – 791.52, nhãn hiệu YAMAHA, loại xe SIRIUS. Và yêu cầu các bị cáo Lò Văn H, Lương Văn T phải liên đới bồi thường tiền công truy tìm là 3.000.000^d. Bị cáo Lương Văn T đã bồi thường trước cho bị hại Quàng Thị L số tiền 1.000.000^d.

- Bị hại chị Cà Thị H đã nhận lại 01 chiếc xe máy: BKS: 26H1 – 056.69, nhãn hiệu HONDA, loại xe WAVE, màu sơn trắng – đen. Tại phiên tòa bị hại Cà Thị H yêu cầu bị cáo Lò Văn H bồi thường tiền công truy tìm là 3.000.000^d. Bị cáo H chưa bồi thường được.

- Bị hại anh Lương Văn T đề nghị xin lại chiếc xe mô tô bị cáo Lò Văn H trộm cắp vào ngày 24-11-2018 để anh còn dùng làm phương tiện đi dạy học. Và không yêu cầu bị cáo Lò Văn H bồi thường gì thêm. Do vậy vấn đề bồi thường dân sự giữa bị hại Lương Văn T và bị cáo Lò Văn H không đặt ra giải quyết.

Bản cáo trạng số: 17/CT-VKS, ngày 27-02-2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La đã truy tố các bị cáo Lò Văn H và Lương Văn T về tội: Trộm cắp tài sản, theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La trong phần tranh luận vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố các bị cáo Lò Văn H và Lương Văn T về điều, khoản và tội danh trên.

Đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố các bị cáo Lò Văn H và Lương Văn T phạm tội: Trộm cắp tài sản.

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm g khoản 1 Điều 52, điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 58 Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo Lò Văn H 12 đến 18 tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 16-12-2018.

Áp dụng khoản 1 Điều 173; các điểm b, i, s khoản 1 Điều 51, Điều 58; khoản 1, khoản 2, khoản 5 Điều 65 Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo Lương Văn T: 6 đến 9 tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 12 đến 18 tháng. Thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (là ngày 15-03-2019).

Áp dụng khoản 4 Điều 328 Bộ luật tố tụng hình sự: Tuyên trả tự do ngay tại phiên tòa cho bị cáo Lương Văn T, nếu bị cáo không bị tạm giam về một tội phạm khác.

Giao bị cáo Lương Văn T cho UBND xã TL, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La giám sát và giáo dục. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với UBND xã TL, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La giám sát và giáo dục bị cáo.

Trong trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật thi hành án hình sự.

Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo Lò Văn Hùng và Lương Văn Thắng.

***) Về trách nhiệm dân sự:** Áp dụng Điều 48 Bộ luật hình sự và Điều 584, Điều 585, Điều 589 Bộ luật dân sự.

- Chấp nhận việc Cơ quan điều tra trả lại cho bị hại chị Quảng Thị L 01 chiếc xe máy: BKS: 26B1 – 791.52, nhãn hiệu YAMAHA, loại xe SIRIUS. Buộc các bị cáo Lò Văn H, Lương Văn T phải liên đới bồi thường tiền công truy tìm là 3.000.000^d. Công nhận sự tự nguyện thỏa thuận bồi thường giữa các bị cáo Lò Văn H, Lương Văn T và bị hại Quảng Thị L như sau: Bị cáo Lò Văn H tự nguyện bồi thường chi bị hại Quảng Thị L tiền công truy tìm là 2.000.000^d. Bị cáo Lương Văn T tự nguyện bồi thường cho bị hại Quảng Thị L tiền công truy tìm là 1.000.000^d. Bị cáo Lương Văn Tg đã bồi thường xong.

- Chấp nhận việc Cơ quan điều tra trả lại cho bị hại chị Cà Thị H 01 chiếc xe máy: BKS: 26H1 – 056.69, nhãn hiệu HONDA, loại xe WAVE, màu sơn trắng – đen. Công nhận sự tự nguyện thỏa thuận bồi thường giữa bị cáo Lò Văn Hùng và bị hại Cà Thị H như sau: Bị cáo Lò Văn H tự nguyện bồi thường chi bị hại Cà Thị H tiền công truy tìm là 3.000.000^d.

- Đối với bị hại Lương Văn T không yêu cầu bị cáo Lò Văn H bồi thường gì. Do vậy vấn đề dân sự không đặt ra giải quyết.

***) Về vật chứng:** Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự

- Tuyên trả cho bị hại anh Lương Văn T 01 (một) chiếc xe mô tô nhãn hiệu HONDA màu đen, BKS: 30H1-5715.

- Tuyên tịch thu sung công quỹ Nhà nước 01 (một) chiếc xe máy BKS: 26F3-5619, nhãn hiệu JIALING và 01 chiếc chìa khóa xe mô tô nhãn hiệu

HONDA đã sử dụng cũ, là công cụ phương tiện các bị cáo dùng vào việc phạm tội.

Bị cáo Lò Văn H phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Bị cáo Lương Văn T phải chịu án phí Hình sự sơ thẩm theo quy định.

Ý kiến của bị cáo Lò Văn H: Nhất trí như lời luận tội của đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt thấp nhất trong khung hình phạt cho bị cáo và đề nghị miễn hình phạt bổ sung là phạt tiền cho bị cáo.

Ý kiến của bị cáo Lương Văn T: Nhất trí như lời luận tội của đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt thấp nhất trong khung hình phạt nhưng xin được hưởng án treo và đề nghị miễn hình phạt bổ sung là phạt tiền cho bị cáo.

Ý kiến của các bị hại: Nhất trí như bản luận tội của đại diện Viện kiểm sát. Về hình phạt, đề nghị HĐXX giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo Lò Văn H, Lương Văn T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN :

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1]. Ngày 24-11-2018, Lò Văn H; trú tại: Bản B, xã MG, huyện Quỳnh Nhai, tỉnh Sơn La đã có hành vi lên lút chiếm đoạt 01 chiếc xe máy: BKS: 30H1 – 5715 xe đã qua sử dụng qua định giá tài sản giá trị còn lại là 4.500.000^d của gia đình anh Lương Văn T, trú tại: Bản N, xã BP, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La và 01 chiếc xe máy BKS:26H1-056.69 nhãn hiệu HONDA, số loại WAVE, xe đã qua sử dụng qua định giá tài sản giá trị còn lại là 15.000.000^d của gia đình chị Cà Thị H trú tại: Bản D, xã N, huyện Quỳnh Nhai, tỉnh Sơn La. Đến ngày 16-12-2018, Lò Văn H cùng Lương Văn T; trú tại: Bản D, xã TL, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La đã có hành vi lên lút chiếm đoạt 01 chiếc xe máy: BKS: 26B1 – 791.52, nhãn hiệu YAMAHA, số loại SRIUS, xe đã qua sử dụng qua định giá tài sản giá trị còn lại là 6.000.000^d của gia đình chị Quảng Thị L; trú tại: Bản C, xã LT, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La. Tổng giá trị tài sản bị cáo Lò Văn H trộm cắp là 25.000.000^d, bị cáo Lương Văn T là 6.000.000^d.

Căn cứ lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa ngày hôm nay, hoàn toàn phù hợp với lời khai của các bị cáo, của các bị hại tại cơ quan điều tra, Biên bản bắt người phạm tội quả tang và các tài liệu khác có trong hồ sơ. Các bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự. Trên cơ sở đó có đầy đủ điều kiện, đủ căn cứ kết luận các bị cáo Lò Văn H và Lương Văn T phạm tội: Trộm cắp tài sản. Vi phạm khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự. Như quyết định truy tố và quan điểm luận tội của Viện kiểm sát nhân dân huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La tại phiên tòa là có căn cứ đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Điều 173 Bộ luật hình sự quy định:

“1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác có giá trị từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 triệu đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến ba năm hoặc bị phạt tù từ sáu tháng đến ba năm”.

.....

.....

5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ năm triệu đồng đến năm mươi triệu đồng”.

Xét hành vi phạm tội của các bị cáo Lò Văn H và Lường Văn T đã lén lút chiếm đoạt tài sản của người khác, mục đích chiếm đoạt tài sản để tư lợi cho cá nhân, giá trị tài sản chiếm đoạt không lớn, tài sản bị cáo chiếm đoạt đã được thu hồi và trả lại cho bị hại. Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, gây mất trật tự, trị an xã hội tại địa phương. Cần vận dụng khoản 1 điều 173 Bộ luật hình sự, có mức án phạt tù từ sáu tháng đến ba năm đối với các bị cáo Lò Văn H và Lường Văn T.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự:

- Bị cáo Lò Văn H có một tình tiết tăng nặng: Trong một thời gian ngắn bị cáo phạm tội nhiều lần. Đây là những tình tiết tăng nặng đối với bị cáo được quy định tại điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự.

- Bị cáo Lường Văn T không có tình tiết tăng nặng.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo Lò Văn H, Lường Văn T phạm tội lần đầu, thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa các bị cáo đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình. Đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo được quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Bị cáo Lường Văn T đã tác động gia đình tự nguyện bồi thường khắc phục hậu quả cho bị hại, đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo Lường Văn T được quy định tại điểm b khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Xét vai trò của các bị cáo: Bị cáo Lò Văn H là người khởi xướng và rủ rê bị cáo Lường Văn T phạm tội. Bị cáo Lường Văn T là người giúp sức, tạo công cụ phương tiện để thực hiện tội phạm. Do vậy HĐXX xét thấy cần áp dụng Điều 58 Bộ luật hình sự để cá thể hóa hình phạt đối với các bị cáo.

Song các bị cáo nhận thức rõ hành vi của mình là phạm pháp, do không chịu lao động chính đáng, hám lời, nên đã coi thường pháp luật cố tình phạm tội để có tiền tiêu sài cá nhân. Các bị cáo phạm tội ít nghiêm trọng. Nay xét thấy cần cách ly bị cáo Lò Văn H ra ngoài xã hội một thời gian mới đủ điều kiện cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành người làm ăn lương thiện, người công dân tốt có ích cho xã hội.

Xét đơn xin hưởng án treo có xác nhận của chính quyền địa phương của bị cáo Lường Văn T. Và lời đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát, của bị cáo tại phiên tòa đề nghị xin được hưởng mức án phạt tù nhưng cho hưởng án treo. Nay Hội đồng xét xử xét thấy bị cáo Lường Văn T có nơi cư trú rõ ràng, được chính

quyền địa phương xác nhận là có nhân thân tốt, người phạm tội luôn chấp hành đúng chính sách, pháp luật và thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ của công dân ở nơi cư trú. Do vậy có đủ điều kiện để được hưởng án treo nên cần được chấp nhận. Không cần cách ly bị cáo ra ngoài xã hội. Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân nơi cư trú của bị cáo phối hợp với gia đình có trách nhiệm giám sát giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách của án treo. Vận dụng khoản 1, khoản 2, khoản 5 điều 65 Bộ luật hình sự.

Cần lên một mức án tương xứng với hành vi phạm tội của các bị cáo mới đảm bảo tính chất nghiêm minh của pháp luật giáo dục và phòng ngừa chung. Đồng thời cũng thể hiện chính sách pháp luật nhân đạo, khoan hồng của Nhà nước ta.

Bị cáo Lò Văn H đang bị tạm giam, nay Hội đồng xét xử xét thấy cần tiếp tục tạm giam bị cáo trong hạn 45 ngày kể từ ngày tuyên án. Vận dụng khoản 1, khoản 3 Điều 329 Bộ luật tố tụng hình sự.

Bị cáo Lương Văn T đang bị tạm giam. Bị cáo bị xử phạt tù nhưng cho hưởng án treo. Cần tuyên trả tự do ngay tại phiên tòa cho bị cáo Lương Văn T nếu bị cáo không bị tạm giam về một tội phạm khác. Vận dụng khoản Điều 328 Bộ luật tố tụng hình sự.

Ngoài hình phạt chính là phạt tù các bị cáo Lò Văn H và Lương Văn T còn có thể phải chịu hình phạt bổ sung được quy định tại khoản 5 điều 173 Bộ luật hình sự. Nay Hội đồng xét xử xét thấy các bị cáo không có đủ điều kiện và khả năng thi hành, không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự:

Chấp nhận việc Cơ quan điều tra đã trả lại cho bị hại chị Quảng Thị L 01 chiếc xe máy nhãn hiệu YAMAHA, loại xe SRIUS, BKS: 26B1-791.52. Và trả lại cho bị hại chị Cà Thị H 01 chiếc xe máy nhãn hiệu HONDA, loại xe WAVE, BKS: 26H1-056.69.

Tại phiên tòa bị hại chị Quảng Thị L yêu cầu các bị cáo Lò Văn H, Lương Văn T phải liên đới bồi thường tiền công truy tìm xe cho chị là 3.000.000^d. Các bị cáo Lò Văn H, Lương Văn T đều nhất trí bồi thường tiền công truy tìm cho bị hại Quảng Thị L là 3.000.000^d. Trong đó bị cáo Lò Văn H tự nguyện bồi thường số tiền 2.000.000^d. Bị cáo Lương Văn T tự nguyện bồi thường số tiền 1.000.000^d. (Bị cáo Lương Văn T đã bồi thường xong).

Tại phiên tòa bị hại Cà Thị H yêu cầu bị cáo Lò Văn H bồi thường tiền công truy tìm xe cho chị 3.000.000^d. Bị cáo Lò Văn H nhất trí tự nguyện bồi thường tiền công truy tìm cho bị hại Cà Thị H số tiền 3.000.000^d.

Xét việc thỏa thuận giữa các bị cáo và các bị hại là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội. Do vậy cần công nhận sự tự nguyện thỏa thuận bồi thường giữa các bị cáo Lò Văn H, Lương Văn T và bị hại Quảng Thị L. Và giữa bị cáo Lò Văn H và bị hại Cà Thị H. Vận dụng Điều 48 Bộ luật hình sự và Điều 584, Điều 585, Điều 589 Bộ luật dân sự.

Đối với bị hại Lương Văn T không yêu cầu bị cáo Lò Văn H bồi thường gì. Do vậy vấn đề dân sự giữa bị cáo Lò Văn H và bị hại Lương Văn T không đặt ra giải quyết.

Về vật chứng:

Đối với 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu HONDA màu đen, BKS: 30H1-5715 của bị hại Lương Văn T, nay anh T yêu cầu xin lại xe để anh có phương tiện đi lại. Nay cần tuyên trả cho bị hại Lương Văn T.

Đối với: 01 (một) chiếc xe máy BKS: 26F3-5619, nhãn hiệu JIALING và 01 chiếc chìa khóa xe mô tô nhãn hiệu HONDA đã sử dụng cũ, là công cụ phương tiện dùng vào việc phạm tội, cần tuyên tịch thu sung công quỹ nhà nước.

Vận dụng Điều 47 Bộ luật hình sự và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

[2]. Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan điều tra Công an huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Các bị cáo, bị hại không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều là hợp pháp.

[3]. Về án phí: Bị cáo Lò Văn H phải nộp án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định chung của Nhà nước. Bị cáo Lương Văn T phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định chung của Nhà nước. Vận dụng khoản 2 Điều 136 BLTTHS năm 2015 và khoản 1 Điều 23, khoản 1 Điều 24 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14; Ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[4]. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo bản án theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1. Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo Lò Văn H (tên gọi khác: Lò Văn H) và Lương Văn T phạm tội: Trộm cắp tài sản.

2. Về hình phạt:

Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm g khoản 1 Điều 52, điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 58 Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo Lò Văn H: 18 (mười tám) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 16-12-2018.

Căn cứ khoản 1 Điều 173; các điểm b, i, s khoản 1 Điều 51, Điều 58; khoản 1, khoản 2, khoản 5 Điều 65 Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo Lương Văn T: 6 (sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 12 (mười hai) tháng. Thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (là ngày 15-03-2019).

Căn cứ khoản 4 Điều 328 Bộ luật tố tụng hình sự: Trả tự do ngay tại phiên tòa cho bị cáo Lương Văn T, nếu bị cáo không bị tạm giam về một tội phạm khác.

Giao bị cáo Lương Văn T cho UBND xã TL, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La giám sát và giáo dục. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với UBND xã TL, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La giám sát và giáo dục bị cáo.

Trong trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật thi hành án hình sự.

“Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo có ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo”.

3. Về trách nhiệm bồi thường dân sự: Căn cứ Điều 48 Bộ luật hình sự và Điều 584, Điều 585, Điều 589 Bộ luật dân sự.

Công nhận sự tự nguyện thỏa thuận bồi thường giữa bị cáo Lò Văn H và các bị hại Quàng Thị L, Cà Thị Hnhur sau: Bị cáo Lò Văn H tự nguyện bồi thường cho bị hại Quàng Thị L tiền công truy tìm số tiền 2.000.000^d (hai triệu đồng). Bị cáo Lò Văn H tự nguyện bồi thường cho bị hại Cà Thị Hm tiền công truy tìm số tiền 3.000.000^d (ba triệu đồng).

4. Về Xử lý vật chứng: Căn cứ 47 Bộ luật hình sự và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

- Trả lại cho bị hại anh Lương Văn T: 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu HONDA, loại xe Wave, BKS: 30H1-5715, màu sơn đen – trắng, số máy 2001002336, xe đã qua sử dụng cũ.

- Tịch thu sung công quỹ Nhà nước:

+ 01 (một) chiếc xe mô tô nhãn hiệu JIALING, loại xe DREM II; BKS: 26F3-5619, màu sơn đen – trắng, số máy: 2001002336, xe đã qua sử dụng cũ.

+ 01 (một) chiếc chìa khóa xe máy, nhãn hiệu HONDA, số A 0582, đã sử dụng cũ.

5. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136, và khoản 1 Điều 23, khoản 1 Điều 24 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14; ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo Lò Văn H phải chịu án phí Hình sự sơ thẩm là 200.000^d và án phí Dân sự sơ thẩm là 300.000^d. Tổng cộng là 500.000^d (năm trăm nghìn đồng).

Bị cáo Lương Văn T phải chịu án phí Hình sự sơ thẩm là 200.000^d (hai trăm nghìn đồng).

6. Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331, Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự: Bị cáo Lò Văn H, bị cáo Lương Văn T, bị hại Quàng Thị L, bị hại Cà Thị H, bị hại Lương Văn T có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và điều 9

Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự”./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND (02);
- Sở Tư pháp
- CA huyện;
- THA hình sự;
- Chi cục THADS;
- Bị hại;
- Bị cáo;
- Lưu Hồ sơ;
- Lưu án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lường Thị Hương